

Bản án số: 258/2024/HC-PT

Ngày 25 - 4 - 2024

V/v Khiếu kiện Quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai.

NHÂN DANH QUỐC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Vân Hương.
Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Thúy Bình;
Ông Hồ Sỹ Hưng.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lương Hải Anh, Thư ký Tòa án.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội:** Ông Phạm Ngọc
Vỹ, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 64/2024/TLPT-HC ngày 31 tháng 01 năm 2024 về “*Khiếu kiện Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai.*”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số 174/2023/HC-ST ngày 31 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 4257/2024/QĐPT-HC ngày 05 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

* **Người khởi kiện:** Bà Lương Thị L, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Tổ dân phố B phường L, quận L, Hà Nội.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Nguyễn Quý L1, Luật sư thuộc Công ty L3, Đoàn luật sư thành phố H.

* **Người bị kiện:**

- Ủy ban nhân dân quận L;

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận L.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Xuân T, Phó Chủ tịch UBND quận L, H (Văn bản ủy quyền số 189/GUQ-2022 ngày 19/5/2022).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Lê Xuân M, chức vụ: phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường quận L, ông Nguyễn Duy A, chức vụ: Chuyên viên phòng Tài nguyên và Môi trường quận L.

3. **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Ủy ban nhân dân phường L, quận L, Hà Nội.

Người đại diện: Ông Ngô Văn N, chức vụ: Chủ tịch UBND phường L.

- Ông Thân Ngọc H (chồng bà L), sinh năm 1979;

Địa chỉ: **Tổ dân phố B phường L, quận L, Hà Nội.**

Phiên tòa phúc thẩm có mặt bà **Lương Thị L**, ông **Thân Ngọc H** và luật sư **Nguyễn Quý L1**. Các đương sự khác (đã được triệu tập hợp lệ) đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Đơn khởi kiện nộp ngày 03/12/2021 và trình bày của người khởi kiện bà **Lương Thị L** trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm có nội dung:*

Năm 2002, bà nhận chuyển nhượng 50 m² đất của bà **Thẩm Thị C** trên đất có 01 nhà cấp 4 tại thửa đất số 24-73 tờ bản đồ số 09 thuộc **tổ dân phố B, phường L, quận L, Hà Nội**; nguồn gốc gia đình bà **C** được **UBND xã L**, Hợp tác xã chia đất giãn dân từ năm 1987 và gia đình bà **C** đã làm nhà từ lâu. Việc chia đất thể hiện trong bản đồ, danh sách các hộ được cấp đất giãn dân, văn bản xác nhận của các cán bộ lãnh đạo **UBND xã L**.

Sau khi nhận chuyển nhượng, bà **L** đã sử dụng ổn định không tranh chấp, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp thuế đất phi nông nghiệp theo quy định của Nhà nước từ năm 2012 và đăng ký kê khai đúng tên trong hồ sơ quản lý đất đai của địa phương đến nay.

Ngày 03/11/2021, Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) **quận L** ban hành Quyết định số 6904/QĐ-UBND về việc thu hồi 50 m² đất của hộ gia đình ông **Thân Ngọc H** (chồng bà **L**) để thực hiện Dự án Hoàn chỉnh hạ tầng kỹ thuật ô đất thuộc ô quy hoạch G.2/THCS, G.2/N12. G.2/CX... phụ cận tuyến đường quy hoạch 40m, **phường L, quận L, H** (sau đây viết tắt là Dự án) và Quyết định số 6923/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ cho hộ gia đình bà đối với đất và tài sản có trên đất thu hồi. Các Quyết định này đều chỉ xác định đất thu hồi là đất nông nghiệp được giao theo khoán 10, từ đó áp dụng chính sách bồi thường với giá 252.000 đồng/m² mà không có bất kỳ một khoản hỗ trợ nào theo quy định tại Quyết định số 10/QĐ-UBND của **UBND thành phố H**, là trái quy định của pháp luật.

Trong khi các cơ quan của **UBND thành phố H** đang xem xét tính pháp lý của Dự án, chưa có kết quả thì Chủ tịch **UBND quận L** vẫn ban hành Quyết định số 9195/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 về việc cưỡng chế thu hồi đất để cưỡng chế thu hồi đất của gia đình bà, là trái quy định của pháp luật.

Bà **Lương Thị L** khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy:

- Quyết định số 6904/QĐ-UBND ngày 03/11/2021 của **UBND quận L** về việc thu hồi đất của gia đình bà;
- Quyết định số 6923/QĐ-UBND ngày 03/11/2021 của **UBND quận L** về việc phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ cho gia đình bà;
- Quyết định số 9195/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của Chủ tịch **UBND quận L** về việc cưỡng chế thu hồi đất của gia đình bà.

*Đại diện người bị kiện (UBND và Chủ tịch **UBND quận L**) cung cấp hồ sơ Dự án và hồ sơ thực hiện trình tự, thủ tục ban hành các Quyết định đối với hộ ông **H**, bà **L** và trình bày ý kiến về yêu cầu của người khởi kiện với nội dung:*

- Dự án thu hồi đất của hộ gia đình bà **L** cũng như các hộ khác trong phạm vi giải phóng mặt bằng, với mục đích xây dựng vườn hoa, cây xanh; trường mầm non và xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật của địa phương (giao thông, thủy lợi, cấp nước, thoát nước...) thuộc trường hợp thu hồi đất vì lợi ích công cộng quy định tại Điều 62 Luật đất đai; Dự án đã được **Hội đồng nhân dân Thành phố H, UBND thành phố H** chấp thuận và phê duyệt, triển khai thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định của Luật đất đai;

- UBND thực hiện đúng trình tự, thủ tục thu hồi đất đối với hộ gia đình bà **L**, ông **H**. Kết quả kiểm đếm đã thể hiện: Hộ ông **Thân Ngọc H** bị thu hồi 50 m² đất thuộc thửa đất số 24-73 tờ bản đồ số 09 thuộc **tổ dân phố B, phường L, quận L, Hà Nội** tại xứ đồng **C**. Nguồn gốc là đất nông nghiệp được giao thời điểm năm 1987 (giao theo khoán 10) và được điều chỉnh năm 1997-1999 (trong danh sách mang tên ông **Thẩm Văn L2** - vợ là **Phạm Thị V**). Khi thực hiện giao đất theo Nghị định 64/NĐ-CP tại **thôn N, xã L (nay là phường L)** không thực hiện việc rũ rời để chia lại đất. Trong quá trình sử dụng, ông **L2** bà **V** đã chuyển nhượng một phần diện tích cho người khác và người mua đã tự chuyển đổi mục đích sử dụng đất xây dựng công trình từ thời điểm sau ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/2004. Việc chuyển mục đích sử dụng không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép và không bị xử lý vi phạm; sử dụng đất ổn định không tranh chấp.

Tuy nhiên hồ sơ không có căn cứ xác định thời điểm sử dụng đất ổn định vào mục đích hiện trạng theo quy định tại Điều 21 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ từ thời điểm ngày 15/10/1993 đến trước ngày 1/7/2004; nên xác định thửa đất ông **Thân Ngọc H** đang sử dụng bị thu hồi có nguồn gốc là đất nông nghiệp được giao và tự chuyển mục đích sử dụng đất sang xây dựng công trình sau ngày 01/07/2004. Việc chuyển mục đích sử dụng đất không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép và không bị xử lý vi phạm) nên chỉ được bồi thường theo giá đất nông nghiệp và không được hỗ trợ tỷ lệ phần trăm giá đất theo quy định tại khoản 4 Điều 23 Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của **UBND thành phố H**.

Tại thời điểm thu hồi đất thửa đất không còn sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp, do vậy hộ gia đình không được xem xét bồi thường chi phí đầu tư vào đất theo Điều 10 Quyết định 10/QĐ-UBND, không được hỗ trợ ổn định đời sống, hỗ trợ đào tạo, hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo quy định tại Điều 21, 22 Quyết định số 10/QĐ-UBND của **UBND thành phố H**.

Về tài sản trên đất: Nhà 01 tầng, tường gạch 110 bờ trụ, mái lợp tôn, tường cao trên 3 m, không có khu phụ, diện tích xây dựng 30 m² và sân bê tông 20 m² xây dựng sau thời điểm 01/7/2004, không hợp pháp theo quy định tại Điều 31, 32 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ nên không được bồi thường về tài sản theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Luật đất đai; chỉ được hỗ trợ theo quy định tại Điều 25 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 và Điều 14 Quyết định số 10/2017/QĐ- UBND ngày 29/3/2017 của **UBND thành phố H**. Mức hỗ trợ bằng 50 % mức bồi thường (mức bồi thường bằng 60% giá trị xây dựng mới, giá trị xây dựng mới đối với nhà bằng 2/278.000 đồng/m² và giá trị xây mới

sân bằng 293.000 đồng/m² theo phụ lục 1 và phụ lục 3 ban hành kèm theo Quyết định số 18/2019/QĐ-UBND ngày 14/10/2019 của UBND thành phố H.

Ông Thân Ngọc H được thưởng tiền độ với mức 3.000 đồng/m² x 50 m² = 150.000 đồng(theo điểm a, khoản 4 Điều 24 Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND thành phố H.

Do ông H không chấp hành bàn giao đất theo quyết định thu hồi đất nên U quy trình để thực hiện việc cưỡng chế thu hồi đất đối với bà L theo quy định tại điểm d, khoản 3 Điều 69 Luật đất đai. Ngày 31/12/2021, Chủ tịch UBND quận L ban hành Quyết định số 9195/QĐ-UBND về việc đề cưỡng chế thu hồi đất đối với ông Thân Ngọc H là đúng.

Ý kiến của UBND phường L đối với yêu cầu khởi kiện:

Đất thu hồi của hộ bà L, ông H có nguồn gốc là đất nông nghiệp được giao thời điểm năm 1987 (giao theo khoán 10) và được điều chỉnh năm 1997-1999 (trong danh sách mang tên ông Thảm Văn L2, vợ là Phạm Thị V). Khi thực hiện giao đất theo Nghị định 64/NĐ-CP tại thôn N, xã L(nay là phường L) không thực hiện việc rũ rời để chia lại đất. Trong quá trình sử dụng, ông L2 bà V đã chuyển nhượng một phần diện tích cho ông Thân Ngọc H và Lê Ngọc T1. Ông H, ông T1 đã tự chuyển đổi mục đích sử dụng đất xây dựng công trình từ thời điểm sau ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/2004 (Việc chuyển mục đích sử dụng không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép và không bị xử lý vi phạm; sử dụng đất ổn định không tranh chấp.

UBND phường L đã thực hiện việc gửi, niêm yết các Thông báo, Quyết định đối với hộ gia đình theo đúng quy định.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 174/2023/HC-ST ngày 31/7/2023, Tòa án nhân dân H đã Quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 3, khoản 1 Điều 30, Điều 32, 116, khoản 1 Điều 157, điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 194; Điều 204; Điều 206; khoản 1 Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính; Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Điều 62, 69 Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Quyết định số 10/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND thành phố H.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lương Thị L: Hủy Quyết định số 6904/QĐ-UBND ngày 03/11/2021 của UBND quận L về việc thu hồi đất, - Quyết định số 6923/QĐ-UBND ngày 03/11/2021 của UBND quận L về việc phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ và Quyết định số 9195 /QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của Chủ tịch UBND quận L về việc đề cưỡng chế thu hồi đất. UBND quận L thực hiện nhiệm vụ công vụ theo quy định.

2. Về án phí hành chính sơ thẩm: **UBND quận L**, H phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm.

Trả lại cho bà **Lương Thị L** 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0640 ngày 21/3/2022 tại Thi hành án H.

Ngày 07/8/2023, bà **Lương Thị L** có đơn kháng cáo với nội dung cho rằng Dự án không có đủ căn cứ thu hồi đất theo quy định tại Điều 62 Luật đất đai. Bản án sơ thẩm tuy hủy các Quyết định hành chính nhưng chưa xem xét đánh giá đúng nguồn gốc đất của bà là đất giãn dân, có giấy tờ đủ điều kiện công nhận là đất ở theo quy định tại Điều 21 Nghị định 43/2014/NĐ-CP; nhà ở hợp pháp xây dựng trước 15/10/1993. Bà **L** đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội sửa bản án sơ thẩm theo hướng đất thu hồi của hộ gia đình là đất ở đô thị và hộ gia đình phải được bồi thường, hỗ trợ và tái định cư về đất ở theo đúng quy định.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà **L** giữ nguyên kháng cáo:

Bà **Lương Thị L** và ông **Thân Ngọc H** trình bày: Năm 2002 bà **L** và bà **X** cùng mua chung mảnh đất trên có căn nhà cấp 4 của ông **L2**, bà **V** đã xây dựng trên đất được cấp giãn dân; sau đó bà **L** và bà **X** đã ngăn đôi nhà, đất để sử dụng đến nay. Năm 2008, bà **L** ông **H** kết hôn. Bà **L** xác định việc mua bán có giấy tờ nhưng bà đã để thất lạc. Bà **L**, ông **H** cho rằng **UBND quận L** không thực hiện trình tự thủ tục thu hồi, bồi thường; cưỡng chế sai quy định; gây thiệt hại cho gia đình bà. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện.

Luật sư **Nguyễn Quý L1** trình bày quan điểm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho hộ bà **L**, ông **H** với nội dung: Các tài liệu chứng cứ do người khởi kiện và luật sư xuất trình đã đủ cơ sở xác định nguồn gốc đất là do các hộ gia đình được giao đất giãn dân để làm nhà ở; không phải đất nông nghiệp giao khoán 10 cho các hộ dân như UBND đã trình bày. Phù hợp thực tế hộ bà **V**, ông **L2** đã xây dựng nhà ở trên đất được cấp, sau đó bán nhà cho bà **L**; bà **L** về ở và đã có hộ khẩu thường trú tại đây, có đăng ký biển số nhà ở hợp pháp. Đề nghị chấp nhận kháng cáo, sửa phần nhận định của Bản án sơ thẩm về lý do hủy các Quyết định hành chính là xác định không đúng loại đất thu hồi và buộc **UBND quận L** phải lập lại phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho hộ bà **L** là đất ở, nhà ở hợp pháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm đã được thực hiện đúng quy định; về việc giải quyết vụ án: Bản án sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện, hủy các Quyết định hành chính khởi kiện là có cơ sở. Không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện cũng như ý kiến của luật sư về việc sửa phần nhận định của bản án sơ thẩm. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính, không chấp nhận kháng cáo và giữ nguyên Quyết định của bản án hành chính sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ kết quả thẩm tra chứng cứ và tranh tụng tại phiên tòa; sau khi thảo luận và nghị án;

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Tòa án nhân dân H thụ lý giải quyết vụ án hành chính căn cứ đơn khởi kiện của bà **Lương Thị L** (yêu cầu hủy Quyết định số 6904/QĐ-UBND ngày 03/11/2021 của **UBND quận L** về việc thu hồi đất để thực hiện *Dự án Hoàn chỉnh hạ tầng kỹ thuật ô đất thuộc ô quy hoạch G.2/THCS, G.2/N12. G.2/CX... phụ cận tuyến đường quy hoạch 40m, phường L, quận L, H*; Quyết định số 6923/QĐ-UBND ngày 03/11/2021 của **UBND quận L** về việc phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ và Quyết định số 9195/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của Chủ tịch **UBND quận L** về việc đề cử chế thu hồi đất là đúng quy định tại khoản 1 Điều 30, Điều 32, Khoản 1 Điều 115, Điều 116 Luật tổ tụng hành chính.

[2] Về tính hợp pháp của việc thu hồi và bồi thường cho hộ gia đình:

[2.1] Đối với Quyết định số 6904/QĐ-UBND về việc thu hồi đất và Quyết định số 6923/QĐ-UBND ngày 03/11/2021 của **UBND quận L** về việc phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ:

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 05/7/2018; Nghị Quyết số 11/NQ-HĐND ngày 04/12/2018, Nghị Quyết số 27/NQ-HĐND ngày 04/12/2019, Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 08/12/2020 của **Hội đồng nhân dân thành phố H**; các Quyết định của **UBND thành phố H** (Quyết định số 3957/QĐ-UBND ngày 01/08/2018, Quyết định số 1086/QĐ-UBND ngày 07/03/2019, Quyết định số 1067/QĐ-UBND ngày 13/3/2020 và Quyết định số 1185/QĐ-UBND ngày 12/03/2021);

Ngày 13/10/2017, **Hội đồng nhân dân quận L** đã phê duyệt chủ trương đầu tư theo Văn bản số 16/HĐ-TCKH đối với Dự án nêu trên.

Quy hoạch tổng thể mặt bằng tỉ lệ 1/500 đối với Dự án do **Công ty Cổ phần Đ** lập, đã được **UBND quận L** chấp thuận ngày 26/10/2017 và phù hợp với quy hoạch phân khu N10, tỉ lệ 1/2000 đã được **UBND Thành phố H** phê duyệt tại Quyết định số 6115/QĐ-UBND ngày 21/11/2014.

Ngày 31/10/2017, **UBND quận L** ban hành Quyết định số 5473/QĐ-UBND phê duyệt Dự án.

Ngày 01/02/2018, **Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố H** ban hành Văn bản số 913/STNMT-CCQLĐĐ về việc hướng dẫn **UBND quận L** xác định mốc giới thực hiện Dự án.

Với các tài liệu nêu trên, đủ cơ sở xác định Dự án thuộc trường hợp thu hồi đất vì lợi ích công cộng quy định tại Điều 62 Luật đất đai năm 2013, **UBND quận L** thực hiện thu hồi đất là đúng.

- Đất gia đình bà **L**, ông **H** đang sử dụng thuộc phạm vi GPMB thực hiện Dự án. Tài liệu hồ sơ do **UBND quận L** cung cấp về trình tự thủ tục thu hồi đất đã thể hiện các Thông báo, Quyết định đều được gửi đến các hộ dân và niêm yết công khai theo quy định. **UBND quận L** ban hành Quyết định số 6904/QĐ-UBND ngày 3/11/2021 thu hồi đất và Quyết định số 6923/QĐ-UBND ngày 03/11/2021 phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ đối với hộ ông **Thân Ngọc H** đúng thẩm quyền quy định tại Điều 69 Luật đất đai.

[2.2] Xét tính hợp pháp về nội dung:

- Bà **L** cho rằng nguồn gốc đất là đất giãn dân cấp cho gia đình cụ **C** vào năm 1987 để làm nhà ở, đến năm 2002 bà mua phần đất trên đã có căn nhà các cụ xây trước 15/10/1993 - nhưng bà **L** không xuất trình được bất cứ giấy tờ gì chứng minh.

Trong khi đó hồ sơ quản lý đất đai do UBND phường **L** cung cấp cho thấy đất gia đình bị thu hồi là thuộc thửa đất số 24-73 tờ bản đồ số 09 thuộc tổ dân phố **B**, phường **L**, quận **L**, Hà Nội - xứ đồng **C**, nguồn gốc là đất nông nghiệp giao cho hộ dân vào thời điểm năm 1987 (giao theo khoán 10), sau đó được điều chỉnh năm 1997-1999 cho hộ ông **Thẩm Văn L2** (vợ là **Phạm Thị V**). Khi thực hiện giao đất theo Nghị định 64/NĐ-CP tại thôn **N**, xã **L** (nay là phường **L**) không thực hiện việc rũ rổi để chia lại đất. Trong quá trình sử dụng đất, hộ ông **L2** bà **V** đã tự chuyển đổi mục đích sử dụng đất xây dựng công trình từ thời điểm sau ngày 15/10/1993 và chuyển nhượng lại cho bà **L**; việc chuyển mục đích sử dụng không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép và không bị xử lý vi phạm; đất sử dụng đất ổn định không tranh chấp.

Giấy xác nhận ngày 08/4/2021, UBND phường **L** đã xác nhận: *Hộ ông **H** không trực tiếp sản xuất nông nghiệp có nguồn thu nhập từ sản xuất nông nghiệp; hiện trạng sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp; thời điểm xây dựng sau ngày 15/10/1993 đến trước ngày 1/7/2004; không ăn ở tại nơi GPMB.*

Do vậy, không có cơ sở xác định đất thu hồi của ông **H**, bà **L** đủ điều kiện xác định là đất ở hợp pháp, như kháng cáo của bà **L** nêu.

- Tại Biên bản kiểm đếm cưỡng chế thực hiện kiểm đếm bắt buộc ngày 10/12/2019 thể hiện diện tích bị thu hồi là 50 m², tài sản gắn liền với đất là nhà 1 tầng, tường 110, mái tôn, không có khu phụ, kích thước khoảng 30 m², sân BT KT= 20 m².

Theo Vi bằng lập ngày 19/12/2020 của Văn phòng **T2**, lại thể hiện nhà nhà **L** có khu phụ (lập trước ngày kiểm tra hiện trạng cho việc cưỡng chế).

Biên bản ngày 20/4/2022 của Tổ công tác giải phóng mặt bằng thực hiện kiểm tra hiện trạng, đo đạc thực hiện việc cưỡng chế đã đo đạc lại và xác định diện tích của hộ ông **H** bị thu hồi là 50 m² (trên có nhà 1 tầng cao 1, 2m, tôn 1,5 m, không có khu phụ).

Tại Biên bản xem xét thẩm định của Tòa án cấp sơ thẩm ngày 15/08/2022 lại thể hiện kết quả đo đạc xác định toàn bộ diện tích hộ bà **X**, ông **T1** và hộ bà **L**, ông **H** sử dụng có tổng diện tích là 109,5m² - trong khi chỉ thửa đất thu hồi của hộ bà **X**, ông **T1** thì UBND quận **L** lại xác định diện tích 135m², của hộ bà **L** ông **H** xác định là 50m².

Do vậy, Quyết định số 6904/QĐ-UBND của UBND quận **L** xác định thu hồi của hộ ông **H** 50 m² đất - là chưa chính xác. Bản án sơ thẩm đã hủy Quyết định này để xác định đúng diện tích và tài sản trên đất.

Mặt khác, UBND phường **L** đã xác nhận về thời điểm hộ gia đình đã tự chuyển đổi mục đích sang đất ở là sau thời điểm sau ngày 15/10/1993 đến trước ngày 1/7/2004 – như vậy là đủ điều kiện áp dụng hỗ trợ quy định tại điểm b khoản

1 Điều 23 Quyết định số 10/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND thành phố H: “ Hỗ trợ đối với hộ gia đình cá nhân sử dụng đất nông nghiệp được giao đã tự chuyển đổi mục đích sử dụng đất sang xây dựng công trình: (...) b, Hỗ trợ bằng 40% đơn giá đất ở theo bảng giá đất của UBND thành phố đối với trường hợp chuyển đổi sau ngày 15/10/1993 đến trước ngày 1/7/2004... Diện tích đất được hỗ trợ theo điểm a, b khoản 1 điều này là diện tích đất thực tế có xây dựng nhà cửa, công trình để ở bị thu hồi nhưng tối đa không quá hạn mức giao đất ở mới tối đa của địa phương.

Mức bồi thường, hỗ trợ về tài sản bằng 80 % mức bồi thường về tài sản(Điều 14 Quyết định 10/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND thành phố H.

Nhưng Quyết định phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ số 6923/QĐ-UBND ngày 03/11/2021 của UBND quận L không áp dụng cho hộ gia đình được hưởng khoản hỗ trợ nêu trên, là không bảo đảm quyền lợi hợp pháp cho hộ gia đình bà L, nên Bản án sơ thẩm đã hủy Quyết định này.

[2.3] Phần nhận định của Bản án sơ thẩm đã hủy Quyết định thu hồi đất và Quyết định phê duyệt phương án bồi thường cho hộ gia đình ông H bà L với các lý do trên và nhận định buộc UBND quận L UBND quận phải thực hiện lại việc thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông H bà L theo đúng quy định của pháp luật- là có căn cứ.

Bà L kháng cáo đề nghị xem xét lại phần nhận định của bản án sơ thẩm, nhưng bà không đưa ra được tài liệu chứng cứ chứng minh nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội về việc không chấp nhận cáo của bà L là phù hợp.

[4] Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Bà Lương Thị L phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 220, khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

1. Bác kháng cáo của bà Lương Thị L và giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 174/2023/HC-ST ngày 31/7/2023 của Tòa án nhân dân thành phố H.

2. Bà Lương Thị L phải chịu án phí hành chính phúc thẩm 300.000 đồng; đối trừ biên lai số AA/2022/0002529 ngày 15/9/2023 tại Cục thi hành án dân sự H.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND H;
- Cục THADS H;
- Lưu hồ sơ vụ án, TANDCC.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phan Thị Vân Hương